TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2024
V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Trung Lợi.

Bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: "Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986.

Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái: Người đại diện theo pháp luật ông Hà Văn T1- Chủ tịch, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt, đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Lương Văn H trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái có tự nguyện tìm hiểu và mong muốn xây dựng gia đình, kết hôn với nhau, tuy nhiên tại thời điểm đi đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn nên chị đã tự kê khai không đúng ngày tháng năm sinh của mình để đủ tuổi đăng ký kết hôn, thực

tế khi đăng ký kết hôn chị sinh ngày 05/3/1986 thời điểm này chị T được 16 tuổi 11 tháng 24 ngày do vậy đã khai mình sinh ngày 05/2/1984 để đủ tuổi đăng ký. Chị và anh Lương Văn H được ủy ban nhân dân xã T đăng ký kết hôn và cấp giấy đăng ký kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 25/02/2003. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không bảo ban nhau được trong công việc làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau, từ năm 2022 cho đến nay chị T anh H sống ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Lương Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Lương Thị Thu T2, sinh ngày 15/02/2004 (đã trưởng thành); Lương Hồng L, sinh ngày 24/02/2008; Lương Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Lương Hồng L và Lương Thị Ngọc B, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lương Văn H trình bày: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 25/02/2003, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi kết hôn, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên chị T đã khai tăng tuổi của mình, để đủ tuổi đăng ký kết hôn chị T kê khai sinh ngày 05/02/1984 còn ngày sinh thực tế của chị T là 05/3/1986, do vậy trong giấy đăng ký kết hôn của anh chị đã ghi ngày tháng năm sinh của chị T là 05/02/1984, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã T, sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong làm ăn kinh tế dẫn tới thường xuyên tranh cãi, từ năm 2020 đến nay anh H chị T sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, anh H nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Lương Thị Thu T2, sinh ngày 15/02/2004 (đã trưởng thành); Lương Hồng L, sinh ngày 24/02/2008; Lương Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2013. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Thị Ngọc B, để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hồng L, không yêu ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của các con chung đủ 07 tuổi cháu Lương Hồng L có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Lương Thị Ngọc B có nguyện vọng được ở với bố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T1- Chủ tịch UBND xã T là người đại diện theo pháp luật của UBND xã T có ý kiến: Tại sổ đăng ký kết hôn năm 2003 lưu trữ tại UBND xã T, tại số thứ tự 09 quyển số 01 năm 2003, ngày 25/02/2003 UBND có đăng ký kết hôn cho anh Lương Văn H sinh ngày 10/11/1981

và chị Phạm Thị T sinh ngày 05/02/1984, công chức tư pháp - hộ tịch tiến hành đăng ký là ông Trần Văn D, ký xác nhận là chủ tịch UBND xã ông Hà Văn N. Ngoài sổ đăng ký kết hôn năm 2003 thì UBND xã T không còn lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan gì đến việc đăng ký kết hôn giữa anh Lương Văn H và chị Phạm Thị T.

Tại biên bản xác minh với UBND xã T thể hiện: Thời điểm đăng ký kết hôn năm 2003 chị T không xuất trình, giao nộp giấy tờ tùy thân mà tự kê khai ngày tháng năm sinh là ngày 05/02/1984. Cán bộ tư pháp thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn, UBND đã cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 25/02/2003. Sau khi kết hôn anh H, chị T sống chung tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái quá trình sống chung anh chị có mâu thuẫn nên chị T đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với anh H, việc chị T cố tình kê khai thông tin ngày tháng năm sinh sai để đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định. Nay anh H chị T đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. UBND xã xác nhận công dân Phạm Thị T, sinh ngày 05/02/1984 nơi thường trú Cát T3- V- Yên Bái trong thông tin ghi tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 25/02/2003 chính là công dân Phạm Thị T, sinh ngày 05/3/1986, nơi thường trú thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái hiện đang đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với anh Lương Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu của chị T, xử hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh H. Về con chung: Giao cho Anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2013, giao cho chị Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hồng L, sinh ngày 24/02/2008, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lương Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Do đó, vụ án do Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, các đương sự đều có đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị Phạm Thị T và anh Lương Văn H tự nguyện kết hôn và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 25/02/2003 có ghi thông tin chồng Lương Văn H, sinh ngày 10/11/1981 và vợ Phạm Thị T, sinh năm 05/02/1984. Tuy nhiên tại giấy khai sinh, căn cước công dân, xác nhận nhân khẩu, giấy khai sinh các con chung thể hiện chị T sinh ngày 05/3/1986. Như vậy, thông tin về ngày, tháng, năm sinh của chị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 25/02/2003 của UBND xã T, huyện V là không đúng. Tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 25/02/2003) chị Phạm Thị T mới 16 tuổi 11 tháng 20 ngày tuổi, theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặt khác, quá trình chung sống hai bên thừa nhận có mâu thuẫn do tính tình không hợp, không bảo ban nhau được trong công việc làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau, từ năm 2022 cho đến nay chị T anh H sống ly thân, không quan tâm đến nhau, nay chị T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh H. Căn cứ Điều 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Lương Văn H.

[4] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì chị Phạm Thị T và anh Lương Văn H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[5] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Lương Thị Thu T2, sinh ngày 15/02/2004 (đã trưởng thành); Lương Hồng L, sinh ngày 24/02/2008; Lương Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2013. Tại biên bản hòa giải về con chung ngày 11/11/2024 anh H và chị T đã thống nhất thỏa thuận để anh Lương Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Thị Ngọc B, chị Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hồng L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nêu trên của anh H, chị T là tự nguyện, không trái đạo đức, pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại các Điều 12, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh H, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Lương Văn H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 01 ngày 25/02/2003 của UBND xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Chị Phạm Thị T và anh Lương Văn H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Lương Văn H, giao con chung Lương Thị Ngọc B, sinh ngày 23/7/2013 cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lương Hồng L, sinh ngày 24/02/2008 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3 Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000833 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hoa Quỳnh